Hãy di chuyển từng thuật ngữ từ danh sách bên phải sang định nghĩa tương ứng bên trái.

(1) Khám phá để nắm rõ một ứng dụng hoặc trang Web.	Điều hướng (Navigation)
(2) Cung cấp bản mới nhất của trang Web.	Tải lại (Reload)

Em hãy ghép các trang Web ở cột bên trái sao cho tương ứng với lĩnh vực hoạt động, địa điểm của trang Web ở cột bên phải:

(1) www.microsoft.com	Trang Web giáo dục
(2) www.tuoitre.vn	Trang Web chính phủ
(3) www.harvard.edu	Trang Web thương mại
(4) www.whitehouse.gov	Trang Web của Việt Nam

Em chạy xong một lượt tìm kiếm trên Web, nhưng không tìm được kết quả mình cần. Em nên thực hiện 2 bước nào để giúp tinh chỉnh phạm vi tìm kiếm? Với mỗi dòng lệnh sau, em hãy chọn Đúng (True) hoặc Sai (False).

1. Dùng từ đồng nghĩa hoặc các từ thay thế khác	True	False
2. Dùng các bộ lọc.	True	False
3. Nhấp vào một quảng cáo	True	False
4. Thử lại mà không thay đổi gì cả.	True	False

Trong từng tùy chọn sau, em hãy chọn Đúng (True) nếu là công cụ tìm kiếm, chọn Sai (False) nếu không phải.

1. Google	True	False
2. Safari	True	False
3. Bing	True	False
4. Firefox	True	False

LIVEWORKSHEETS

Em hãy ghép mỗi thuật ngữ ở cột bên trái với một định nghĩa phù hợp ở cột bên phải.

(1) Trang	Là một bảng liệt kê các mục
(2) Tiêu đề	Là phần thể hiện nội dung trên một mặt của trang giấy khi được in ấn
(3) Đề mục	Mô tả ngắn gọn nội dung của tài liệu
(4) Danh sách	Giúp xác định các thành phần khác nhau trong tài liệu

Em hãy ghép mỗi thuật ngữ ở cột bên trái với tên tiếng Anh phù hợp ở cột bên phải.

(1) Trang	Page
(2) Tiêu đề	Paragraph
(3) Đề mục	Title
(4) Đoạn văn	Heading

Em hãy di chuyển từng thuật ngữ ở cột bên phải sang định nghĩa tương ứng ở cột bên trái.

(1) Định dạng canh trái và phải của một đoạn văn theo chiều ngang trên trang.	Căn lề (Alignment)
(2) Một kiểu định dạng văn bản, được sử dụng để phân cấp và tổ chức các phần khác trong tài liệu.	Đoạn văn (Paragraph)
(3) Một chuỗi các mục có ký hiệu hoặc số ở đầu dòng.	Danh sách (List)
(4) Một chuỗi các câu đều liên quan đến một chủ đề duy nhất.	Đề mục (Heading)

LIVEWORKSHEETS

Select from Lists

Danh sách những món đồ ăn nhẹ bạn yêu thích. (1) Choose ∨

Danh sánh hướng dẫn cách nướng bánh quy. (2) Choose ∨

Danh sách các bước lắp ráp một món đồ chơi mới. (3) Choose ∨

Danh sách các món đồ bạn cần xếp vào hành lý để đi chơi. (4) Choose ∨

Với mỗi câu phát biểu về các loại danh sách khác nhau, hãy chọn Đúng (True) hoặc Sai (False).

1. Nên dùng danh sách đánh số khi thứ tự các mục đóng vai trò quan trọng.	True	False
2. Danh sách đánh số dùng để biểu thị các bước trong một quy trình.	True	False
3. Danh sách có ký hiệu đầu hàng dùng để chỉ ra các ý chính trong văn bản.	True	False
4. Nên dùng danh sách có ký hiệu đầu hàng khi thứ tự các mục đóng vai trò quan trọng.	True	False

Em hãy ghép nối hình ảnh ở cột bên trái với tính năng phù hợp ở cột bên phải.

(1) ● ● Numbering

(2) ● ● Font Color

(3) ● ● Bullets

LIVEWORKSHEETS